

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 07 - 9 - 2022

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Thanh Bình

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Tiến Quang

2. Ông Phan Chí Thiện

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Văn Quyết - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Lưu Kim Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 223/2022/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 6 năm 2022 về việc: “ly hôn, tranh chấp con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Trần Thị C, sinh năm 1980; địa chỉ: Số 261 đường Đ, Tổ 2, Khu 8, phường M, thành phố M, Bình Dương, có mặt.

*2. Bị đơn:* Ông Hoàng An T, sinh năm 1973; địa chỉ: Số 261 đường Đ, Tổ 2, Khu 8, phường M, thành phố M, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên hệ: Cửa hàng Vật liệu xây dựng P; địa chỉ: Đường B, Khu phố 2, phường N, thành phố M, Bình Dương, có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Tại Đơn khởi kiện đề ngày 09/5/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị C trình bày:**

Bà C và ông Hoàng An T là vợ chồng, chung sống và đăng ký kết hôn ngày 19/11/2011 tại UBND xã L, huyện L, tỉnh Thanh Hóa.

Thời gian đầu chung sống vợ chồng bà C, ông T yêu thương, quan tâm lo lắng cho nhau, cuộc sống gia đình đầm ấm, hạnh phúc. Tuy nhiên, đến năm 2012 thì bà C và ông T bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông T không chung thủy khi bà C mang thai con Hoàng Thiên P, ông T đã có hành vi chơi bời, quan hệ bất chính với người phụ nữ khác; ông T không biết quan tâm

vợ con, gia trưởng, ích kỷ không cho bà C đi đâu, làm gì, không cho giao lưu với bạn bè, bà con dòng họ, trong đời sống vợ chồng, ông T luôn áp đặt mọi chuyện đối với bà C. Bà C và gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên răn, ông T cam kết với bà C sẽ thay đổi tính tình nhưng sau đó cũng không thay đổi. Khoảng tháng 06/2021, bà C và ông T sống ly thân nhau cho đến nay. Bà C nhiều lần nộp đơn ra Tòa án nhưng sau đó rút lại đơn kiện. Lần gần nhất là ngày 25/3/2022, sau khi được Hòa giải viên ở Tòa án hòa giải, bà C đã rút lại đơn khởi kiện ly hôn với ông T. Tuy nhiên, sau khi hòa giải về, ông T vẫn không thay đổi tính tình. Hiện tại, bà C nhận thấy không thể hàn gắn tình cảm với ông T nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Quá trình chung sống, bà C, ông T có 03 con chung là Hoàng Thị Tr, sinh năm 1999, Hoàng Văn T, sinh năm 2003 và Hoàng Thiên P, sinh ngày 26/8/2013. Sau khi ly hôn, bà C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hoàng Thiên P, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Đối với con chung Hoàng Thị Tr và Hoàng Văn T đã trưởng thành, bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn bà Trần Thị C đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ sau: *CMND + Sổ hộ khẩu của bà C, ông T (bản photo chứng thực); Giấy chứng nhận kết hôn của bà C, ông T (bản photo); Giấy khai sinh của Hoàng Thị Tr, Hoàng Văn T và Hoàng Thiên P (bản photo).*

**- *Tại Bản tự khai đề ngày 27/6/2022 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Hoàng An T trình bày:***

Ông T thống nhất lời trình bày của bà C về thời gian sống chung, đăng ký kết hôn, con chung. Về nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn, ông T thừa nhận tính tình ông cộc cằn, không quan tâm vợ con, có tính gia trưởng và luôn áp đặt bà C trong cuộc sống. Ông T cũng thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn nhau từ năm 2012, ly thân nhau từ tháng 6/2021 đến nay, gia đình hai bên có khuyên răn, ông T có cam kết sẽ không gia trưởng với bà C nữa; ông T thừa nhận bà C có nộp đơn đến Tòa án và được Hòa giải viên của Tòa án hòa giải đoàn tụ nhưng do tính chất công việc của ông T (kinh doanh vật liệu xây dựng) nên nhiều khi ông T hay cằn nhằn vợ con. Còn sự việc ông T có quan hệ với người phụ nữ khác thì ông T không thừa nhận, ông T chỉ nhắn tin trêu đùa với người ta, không có quan hệ bất chính, trai trên gái dưới như bà C trình bày. Ông T vẫn còn thương vợ, con nên không đồng ý ly hôn. Do không đồng ý ly hôn nên con chung ai nuôi, tài sản chung, nợ chung ông T không có ý kiến.

***Tại phiên tòa,***

- Nguyên đơn bà Trần Thị C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn ông Hoàng An T giữ nguyên ý kiến không đồng ý ly hôn, các đương sự không giao nộp thêm chứng cứ cho Tòa án.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị C và ông Hoàng An T là vợ chồng, hôn nhân được xác lập từ ngày 29/12/1998 và đăng ký kết hôn vào ngày 19/11/2011 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Thanh Hóa nên là vợ chồng hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Mâu thuẫn vợ chồng của bà C và ông T phát sinh từ năm 2012 ông T không biết quan tâm đến vợ con, gia trưởng, ích kỷ không cho bà C đi đâu làm gì, ông T thấy bà C có bạn là chửi mắng, không cho giao lưu với ai, trong cuộc sống luôn áp đặt bà C, gia đình khuyên răn nhiều lần, ông T cũng cam kết sẽ sửa đổi tính tình nhưng sau đó thì không. Đến tháng 6/2021 thì vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Bà C đã nhiều lần nộp đơn ra Tòa nhưng sáu đó rút lại. Lần mới nhất là vào ngày 25/3/2022 được hòa giải đoàn tụ, bà C rút lại đơn khởi kiện vì nghĩ đến con cái. Tuy nhiên, sau khi hòa giải về, ông T không thay đổi được tính cách. Ông T cũng thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng là có và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2021 đến nay. Nhận thấy, hôn nhân giữa bà C và ông T không còn hạnh phúc, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét yêu cầu của bà C được ly hôn với ông T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Quá trình chung sống có 03 con chung gồm: Hoàng Thị Tr, sinh ngày 24/12/1999; Hoàng Văn T, sinh ngày 26/4/2003 và Hoàng Thiên P, sinh ngày 26/08/2013. Đối với cháu Tr và T đã trên 18 tuổi nên không đề xuất giải quyết; đối với cháu P bà C yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, không T không có ý kiến, cháu P trên 07 tuổi cháu có nguyện vọng được sống cùng mẹ và hiện tại cháu đang sống cùng mẹ. Vì vậy xét yêu cầu của bà C được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phúc là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình

Về tài sản chung, nợ chung và cấp dưỡng: Không yêu cầu nên không đề nghị giải quyết.

+ Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm: Không.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến trình bày của nguyên đơn, bị đơn và ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa,

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án (quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự). Do bị đơn có nơi cư trú tại thành phố M, tỉnh Bình Dương nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (quy định tại

điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự). Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn liên quan đến quyền nhân thân nên thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện (quy định tại Điều 39, khoản 1 Điều 155 của Bộ luật Dân sự).

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

[2.1] Về yêu cầu ly hôn: Bà C và ông T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông bà được tôn trọng và pháp luật bảo vệ. Bà C nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông T do ông T không biết quan tâm vợ con, gia trưởng, ích kỷ, luôn áp đặt bà C theo ý chí của ông T; không chung thủy, có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Ông T thừa nhận tính tình cộc cằn, không quan tâm vợ con, có tính gia trưởng và luôn áp đặt bà C theo ý chí của ông; thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn từ năm 2012, ly thân nhau từ tháng 6/2021 đến nay, gia đình hai bên có khuyên răn và ông T cũng đã cam kết sẽ thay đổi, tuy nhiên do tính chất công việc nên nhiều khi ông T hay cằn nhằn bà C. Ông T không thừa nhận có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, chỉ nhấn tin trêu đùa, không có trai trên gái dưới như bà C trình bày.

Xét thấy, vợ chồng phải biết yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc. Tuy nhiên, qua lời trình bày của bà C và ông T, thấy rằng: Mâu thuẫn tình cảm giữa bà C và ông T là có thật, hiện tại hai ông bà mỗi người sống một nơi, ông T thừa nhận vợ chồng ly thân nhau từ tháng 6/2021 đến nay; cả hai hiện nay không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, nên tảng một gia đình hạnh phúc không có. Ông T cho rằng còn thương vợ, con không muốn ly hôn, tuy nhiên khi tòa án tạo điều kiện cho vợ chồng hòa giải, đoàn tụ nhưng ông T không cải thiện được tình cảm với bà C mà còn có hành vi nhấn tin với người phụ nữ khác gây hiểu lầm cho bà C, làm cho tình cảm vợ chồng thêm mâu thuẫn. Tại phiên tòa, bà C vẫn cương quyết ly hôn và cho rằng nếu Tòa án không cho ly hôn thì bà C cũng không sống chung nhà với ông T. Như vậy, có thể thấy mâu thuẫn tình cảm giữa bà C và ông T đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu Tòa án bác yêu cầu ly hôn thì bà C, ông T cũng không thể hàn gắn được tình cảm. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà C.

[2.2] Về yêu cầu nuôi con, cấp dưỡng nuôi con: Hiện nay, con chung Hoàng Thiên P, sinh ngày 26/8/2013 đang chung sống với bà C và có nguyện vọng được sống cùng bà C. Ông T không có ý kiến tranh chấp nuôi con. Do đó, Tòa chấp nhận yêu cầu khởi kiện về nuôi con của bà C, giao con chung Hoàng Thiên Phúc cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con Hoàng Thiên P: Bà C không yêu cầu nên Tòa không xem xét, giải quyết.

Đối với 02 con chung Hoàng Thị Tr, sinh năm 1999 và Hoàng Văn T, sinh năm 2003 đã trưởng thành và có khả năng lao động, bà C không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con là phù hợp pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Từ những nhận định trên, xét thấy ý kiến phát biểu về quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ nên Tòa chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà C phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp trước đây.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các điều 266, 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 39, khoản 1 Điều 155 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

**1.** Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị C đối với bị đơn ông Hoàng An T về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

- Về hôn nhân: Bà Trần Thị C được ly hôn ông Hoàng An T (theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 59, quyển số 01 ngày 19/11/2011 của UBND xã L, huyện L, tỉnh Thanh Hóa)

- Về con chung, nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà C được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Hoàng Thiên P, sinh ngày 26/8/2013. Về cấp dưỡng nuôi con, bà C không yêu cầu nên Tòa không xem xét, giải quyết.

Con chung Hoàng Thị Tr, sinh năm 1999 và Hoàng Văn T, sinh năm 2003 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên Tòa không xem xét, giải quyết việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được quyền cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của ông T. Ông T không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con của bà C. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà C, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2.** Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà C nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001303, ngày 19/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

**3.** Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Bà C, ông T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện Kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**4.** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Dương sự;
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thanh Bình**